

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI



Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đ- ợc Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 8 n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;
- Luật Kế toán số 03/2003/QH11 đ- ợc Quốc hội n- ớc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003 và các văn bản h- ớng dẫn d- ới luật hiện hành;
- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà n- ớc thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1288/QĐ-UB ngày 17/3/2005 của □y ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà n- ớc Công ty Dệt Kim Hà Nội thành Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội;
- Quyết định số 5573/QĐ-UB ngày 31/8/2004 của □y ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao cổ phần vốn Nhà n- ớc 51% tại Công ty Dệt Kim Hà Nội khi thực hiện cổ phần hoá cho Công ty Dệt Minh Khai quản lý và sử dụng.
- Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 01/3/2011 của □y ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà n- ớc một thành viên Dệt Minh Khai vào Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà n- ớc một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội;
- Căn cứ giấy chuyển nh- ợng sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội ngày 16/01/2015 ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội (Hatexco) - đơn vị đã thoái toàn bộ 51% vốn góp tại Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội với các nhà đầu t- khác theo đề án tái cơ cấu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dệt 19/5 Hà nội, giai đoạn 2013-2015 của UBNDTP Hà nội;

- Biên bản họp Đại hội đại biểu cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội ngày 03/6/2016;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đại biểu cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Dệt kim Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung sửa đổi bản Điều lệ của công ty và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Hình thức tổ chức và cách pháp nhân.

1/ Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước. Có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông thuộc công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2/ Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội, có cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68 /2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (dưới đây được gọi tắt là Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 2: Tên công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động.

1/ **Tên gọi:** CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

- Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

- Tên viết tắt:

- Tên giao dịch quốc tế: HANOI KNITTING JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: **HKC**

2/ **Trụ sở chính:** Lô 2 - CN5 - Cụm Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại giao dịch: 84.04. 38362027

- FAX: 84.04.38362470

- Email: hkc@detkimhanoi.com

- Biểu tượng (logo):



3/ Phạm vi hoạt động:

Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội (d-ới đây đ-ợc gọi tắt là Công ty) hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ n-ớc Việt Nam; Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong n-ớc và n-ớc ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh

1/ Mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của nhà n-ớc, của công ty, các cổ đông và ng-ời lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất n-ớc.

2/ Ngành nghề kinh doanh:

- a) Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may.
- b) Nhập khẩu các thiết bị, nguyên liệu, vật t- phục vụ cho sản xuất của ngành dệt may.
- c) Liên doanh, hợp tác sản xuất với các tổ chức kinh tế trong và ngoài n-ớc. Nhận uỷ thác xuất, nhập khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, ngành điện, điện máy và t- liệu tiêu dùng.
- d) Làm đại diện, đại lý, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng.
- đ) Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch.
- e) Kinh doanh bất động sản, cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở và cửa hàng giới thiệu sản phẩm.
- g) Mua, bán cổ phiếu trên thị tr- ờng chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Thời hạn hoạt động

1/ Thời hạn hoạt động của Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội là 30 (ba m- ời) năm, kể từ ngày đ- ợc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2/ Thời hạn hoạt động của công ty có thể đ- ợc gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà n- ớc.

Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1/ Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ tôn trọng pháp luật.

- 2/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội là Đại hội đồng cổ đông.
- 3/ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
- 4/ Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.
- 5/ Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty cổ phần.

Điều 6: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong công ty.

- 1/ Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2/ Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7: Vốn điều lệ

- 1/ Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội đ- ợc góp bằng tiền Việt Nam. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội là: **24.000.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ đồng)**.
Cổ phần đ- ợc phát hành d- ới hình thức cổ phiếu, giá trị mỗi cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là: 10.000 đồng/cổ phần (m- ười nghìn đồng/cổ phần).
- 2/ *Sử dụng vốn Điều lệ:* Vốn Điều lệ chỉ đ- ợc sử dụng vào mục đích kinh doanh, không đ- ợc sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.
- 3/ *Điều chỉnh vốn Điều lệ:* Vốn Điều lệ chỉ đ- ợc điều chỉnh tăng, giảm theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.
Việc điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn.

Điều 8: Các loại cổ phần

- 1/ Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

2/ Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần - u đãi. Ng- òi sở hữu cổ phần - u đãi gọi là cổ đông - u đãi. Cổ phần - u đãi gồm các loại sau đây:

- a) Cổ phần - u đãi biểu quyết.
- b) Cổ phần - u đãi cổ tức.
- c) Cổ phần - u đãi hoàn lại.
- đ) Cổ phần - u đãi khác do Điều lệ công ty quy định.

3/ Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần - u đãi. Cổ phần - u đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9: Quyền của cổ đông phổ thông.

1/ Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện đ- ợc uỷ quyền, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Đ- ợc nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Đ- ợc - u tiên mua cổ phần mới chào bán t- ơng ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
- d) Đ- ợc tự do chuyển nh- ợng cổ phần của mình cho ng- òi khác, trừ tr- ờng hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 điều 126 của Luật Doanh nghiệp.
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, đ- ợc nhận một phần tài sản còn lại t- ơng ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty.
- h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên **10%** tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất là 6 tháng có các quyền sau đây:

- a) Đề cử ng- òi vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có).
- b) Xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát.
- c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong tr- ờng hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có

họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty. Căn cứ vào lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4/ Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 10: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1/ Thanh toán đủ và đúng thời hạn cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty cổ phần.

Không đ- ợc rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi công ty d- ới mọi hình thức, trừ tr- ờng hợp đ- ợc công ty hoặc ng- ời khác mua lại cổ phần.

2/ Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3/ Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị.

4/ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5/ Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty d- ới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để t- lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ ch- a đến hạn tr- ớc nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 11: Cổ phiếu

1/ Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty.

b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Số l- ợng cổ phần và loại cổ phần.

d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

e) Họ tên, địa chỉ th- ờng trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ th- ờng trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu ghi tên.

f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nh- ợng cổ phần.

g) Chữ ký của ng- ời đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

h) Số đăng ký tại Sở Đăng ký cổ đông của công ty, ngày phát hành.

2/ Tr- ờng hợp có sai sót về nội dung hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của ng- ời sở hữu không bị ảnh h- ờng. Chủ tịch hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.

3/ Tr- ờng hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị thiêu huỷ d- ới hình thức khác thì cổ đông đ- ợc công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải trả phí cấp lại.

Khi đề nghị cấp lại, cổ đông phải cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã thực sự bị mất, bị cháy hoặc bị thiêu huỷ d- ới hình thức khác. Tr- ờng hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm đ- ợc lại sẽ đ- ợc đem trả công ty để tiêu huỷ.

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 12: Sổ đăng ký cổ đông

1/ Công ty phải lập và l- u giữ sổ Đăng ký cổ đông từ khi đ- ợc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Sổ Đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2/ Sổ Đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty.

b) Tổng số cổ phần đ- ợc quyền chào bán, loại cổ phần đ- ợc quyền chào bán và số cổ phần đ- ợc quyền chào bán của từng loại.

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại, giá trị vốn cổ phần đã góp.

d) Họ, tên, địa chỉ th- ờng trú, quốc tịch, số Thẻ căn c- ớc công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e) Số l- ợng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3/ Sổ Đăng ký cổ đông đ- ợc l- u giữ tại trụ sở chính công ty hoặc Trung tâm l- u ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm l- u ký chứng khoán.

4/ Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 13: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.

1/ Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, ph- ơng thức giá chào bán cổ phần trong số cổ phần đ- ợc quyền chào bán. Giá chào bán không đ- ợc thấp hơn giá thị tr- ờng của cổ phần tại thời điểm chào bán hoặc giá trị đ- ợc ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các tr- ờng hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những ng- ời không phải là cổ đông sáng lập.

b) Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.

2/ Khi công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền - ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền - ưu tiên mua. Nếu số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền - ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông. Trường hợp cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3/ Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

4/ Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5/ Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6/ Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 14: Thừa kế cổ phần

1/ Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp giữa những người thừa kế cổ phần.

2/ Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.

3/ Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được quyền thừa kế, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các chức danh quản lý đó.

4/ Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5/ Khi được quyền thừa kế và sở hữu hợp pháp, người đó mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 15: Phát hành trái phiếu

1/ Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

2/ Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó

sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác

3/ Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nh- ng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

4/ Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16: Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể đ- ợc mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải đ- ợc thanh toán đủ một lần.

Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1/ Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số l- ợng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải đ- ợc gửi đến công ty trong thời hạn 10 (m- ời) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2/ Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này với giá thị tr- ờng hoặc giá đ- ợc tính theo nguyên tắc quy định tại điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc yêu cầu. Tr- ờng hợp không thoả thuận đ- ợc về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá **30%** tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần - u đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1/ Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá **10%** tổng số cổ phần của từng loại đã đ- ợc chào bán trong 12 tháng. Trong tr- ờng hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2/ Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không đ- ợc cao hơn giá thị tr- ờng tại thời điểm mua lại, trừ tr- ờng hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định

hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không đ- ợc thấp hơn giá thị tr- ờng.

3/ Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông t- ơng ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải đ- ợc thông báo bằng ph- ơng thức đảm bảo đến đ- ợc tất cả cổ đông trong thời hạn **30** (ba m- ươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó đ- ợc thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần đ- ợc mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng ph- ơng thức bảo đảm đến đ- ợc công ty trong thời hạn 30 (ba m- ươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 19: Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần đ- ợc mua lại

1/ Công ty chỉ đ- ợc quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần đ- ợc mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2/ Cổ phần đ- ợc mua lại theo quy định của Điều 129 và Điều 130 Luật Doanh nghiệp, đ- ợc coi là cổ phần ch- a bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp.

3/ Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã đ- ợc mua lại phải đ- ợc tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần t- ơng ứng đã đ- ợc thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4/ Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản đ- ợc ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn **10%** thì công ty phải thông báo cho tất

cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (m- ười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 20: Trả cổ tức

1/ Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông đ- ợc xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức đ- ợc trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ đ- ợc chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ và bù đắp đủ các khoản lỗ tr- ớc đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

2/ Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông đ- ợc nhận cổ tức, xác định mức cổ tức đ- ợc trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba m- ươi) ngày tr- ớc mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải đ- ợc gửi bằng ph- ơng thức bảo đảm đến đ- ợc địa chỉ của cổ đông chậm nhất 15 (m- ười lăm) ngày tr- ớc khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số l- ợng cổ phần của từng loại, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó đ- ợc nhận, thời điểm và ph- ơng thức trả cổ tức; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ng- ời đại diện theo pháp luật của công ty.

3/ Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

4/ Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 21: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Tr- ờng hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Tr- ờng hợp cổ đông không hoàn trả đ- ợc cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản

khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà ch- a đ- ợc hoàn lại.

Ch□ong III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

1/ Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông hoặc đại hội đại biểu cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

2/ Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định h- ớng phát triển của công ty
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại đ- ợc quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- d/ Quyết định đầu t- hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản đ- ợc ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Trừ tr- ờng hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số l- ợng cổ phần đ- ợc quyền chào bán đ- ợc quy định tại Điều lệ công ty.
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- g) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông.
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

3/ Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số ng- ời đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Tr- ờng hợp có nhiều hơn một ng- ời đại diện theo uỷ quyền đ- ợc cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi ng- ời đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi ng- ời đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ th- ờng trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.
- b) Số l- ợng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ đông tại công ty.

c) Họ, tên địa chỉ th- ờng trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của ng- ời đại diện theo uỷ quyền.

d) Số cổ phần đ- ợc uỷ quyền đại diện.

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền

e) Họ, tên, chữ ký của ng- ời đại diện theo uỷ quyền và ng- ời đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về ng- ời đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo.

Điều 23: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Đại hội cổ đông họp th- ờng niên hoặc bất th- ờng ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên địa bàn Hà nội.

2/ Đại hội đồng cổ đông phải họp th- ờng niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nh- ng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông th- ờng niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Báo cáo tài chính hàng năm.

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty.

c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị; Giám đốc.

d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất th- ờng Đại hội đồng cổ đông trong các tr- ờng hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

đ) Các tr- ờng hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại không đạt quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không đạt quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

5/ Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không đạt quy định thì Trường hợp ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

6/ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7/ Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8/ Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 24: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1/ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ Đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp đại hội đồng cổ đông .

2/ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có : Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, thẻ căn cước công dân, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3/ Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Ng-ời triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị ch-ơng trình, nội dung cuộc họp.

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đ- a vào ch-ơng trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và đ- ọc gửi đến công ty chậm nhất 03(Ba) ngày làm việc tr- ớc ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số l- ợng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đ- a vào ch-ơng trình họp.

3/ Ng-ời triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các tr- ờng hợp sau đây:

a) Kiến nghị đ- ọc gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ thủ tục, không đúng nội dung.

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4/ Ng-ời triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đ- a kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến ch-ơng trình và nội dung cuộc họp, trừ tr- ờng hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Kiến nghị đ- ọc chính thức bổ sung vào ch-ơng trình và nội dung cuộc họp nếu đ- ợc Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2/ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

3/ Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông

tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội cổ đông

1/ Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho ng-ời khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 điều này.

2/ Việc ủy quyền cho ng-ời đại diện dự họp Đại hội cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Ng-ời đ-ợc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp tr-ớc khi vào phòng họp theo quy định sau đây:

a) Tr-ờng hợp cổ đông là cá nhân là ng-ời ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và ng-ời đ-ợc ủy quyền dự họp.

b) Ng-ời đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì phải có chữ ký của ng-ời đại diện theo ủy quyền, ng-ời đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và ng-ời đ-ợc ủy quyền dự họp.

Ng-ời dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp Giấy mời họp tr-ớc khi vào phòng họp.

3/ Trừ tr-ờng hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của ng-ời đ-ợc ủy quyền dự họp trong phạm vi đ-ợc ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các tr-ờng hợp sau đây:

a) Ng-ời ủy quyền đã chết , bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b) Ng-ời ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4/ Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận đ-ợc thông báo bằng văn bản về một trong các tr-ờng hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai m-ơi t-) giờ tr-ớc giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông

1/ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đ-ợc tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2/ Tr-ờng hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì đ-ợc triệu tập họp lần thứ hai trong thời gian 30 (ba m-ơi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai đ-ợc tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3/ Tr-ờng hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì đ-ợc triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai m-ơi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai nếu điều lệ công ty không quy định

khác. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4/ Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định như sau:

1/ Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Ngày đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2/ Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một ngày trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Nếu không có ngày để làm Chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những ngày dự họp và ngày có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, ngày ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và ngày có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử ngày làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 05 (năm) ngày theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3/ Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4/ Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số ngày dự họp.

5/ Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó giơ cao thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp

số phiếu biểu quyết tán thành, phiếu biểu quyết không tán thành, phiếu biểu quyết không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu đ- ọc Chủ toạ công bố ngay tr- ớc khi bế mạc cuộc họp.

6/ Cổ đông hoặc ng- ời đ- ọc uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, đ- ọc đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không đ- ọc dừng cuộc họp để những ng- ời đến muộn đăng ký trong tr- ờng họp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh h- ởng.

7/ Ng- ời triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả ng- ời dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những ng- ời không tuân thủ quyền điều hành của Chủ toạ, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình th- ờng của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8/ Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số ng- ời đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các tr- ờng họp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả ng- ời dự họp

b) Ng- ời dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không đ- ọc tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9/ Chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này. Đại hội đồng cổ đông bầu ng- ời khác trong số những ng- ời dự họp để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh h- ởng.

Điều 30: Điều kiện để Nghị quyết đ- ọc thông qua

1/ Nghị Quyết về nội dung sau đây đ- ọc thông qua nếu có số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.

- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

- Dự án đầu t- hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản đ- ọc ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

- Tổ chức lại, giải thể công ty.

2/ Các nghị quyết khác đ- ợc thông qua khi đ- ợc số cổ đông đại diện cho ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3/ Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo ph- ong thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết t- ơng ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên đ- ợc bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4/ Các quyết định đ- ợc thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham gia đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung ch- ong trình họp và thể thức tiến hành họp không đ- ợc thực hiện đúng nh- quy định.

5/ Tr- ờng họp thông qua nghị quyết d- ới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đ- ợc thông qua nếu đ- ợc số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

6/ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải đ- ợc thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (m- ời lăm) ngày, kể từ ngày quyết định đ- ợc thông qua bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 31: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đ- ợc thực hiện theo quy định sau đây:

1/ Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày tr- ớc thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến đ- ợc gửi bằng ph- ong thức bảo đảm đến đ- ợc địa chỉ th- ờng trú của từng cổ đông.

3/ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

đ) Ph-ong án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã đ-ợc trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và ng-ời đại diện theo pháp luật của công ty.

4/ Phiếu lấy ý kiến đã đ-ợc trả lời phải có chữ ký của cổ đông đối với cá nhân, của ng-ời đại diện theo uỷ quyền hoặc ng-ời đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải đ-ợc đựng trong phong bì dán kín và không ai đ-ợc quyền mở tr-ớc lúc kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5/ Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu d-ới sự chứng kiến của Ban kiểm soát và một đại diện của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ) Các vấn đề đã đ-ợc thông qua.

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, ng-ời đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của ng-ời giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và ng-ời giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, các thiệt hại phát sinh từ các quyết định đ-ợc thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6/ Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7/ Các phiếu lấy ý kiến đã đ- ọc trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã đ- ọc thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải đ- ọc l- u giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8/ Các nghị quyết đ- ọc thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị nh- nghị quyết đ- ọc thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đ- ọc ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng n- ớc ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Ch- ơng trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên chủ toạ và th- ký.

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung ch- ơng trình họp.

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu t- ơng ứng.

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ t- ơng ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h) Các vấn đề đã đ- ọc thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua t- ơng ứng.

i) Chữ ký của Chủ toạ và th- ký.

Biên bản đ- ọc lập bằng tiếng Việt và tiếng n- ớc ngoài đều có hiệu lực pháp lý nh- nhau.

2/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua tr- ớc khi bế mạc cuộc họp.

3/ Chủ toạ và th- ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đ- ợc gửi đến tất cả cổ đông công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết đã đ- ợc thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải đ- ợc l- u giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 33. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín m- ời) ngày, kể từ ngày nhận đ- ợc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông; Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc; Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các tr- ờng hợp sau đây:

- 1/ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 2/ Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Ch□ong IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 34. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội gồm có: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc.

Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Giám đốc là ng- ời đại diện theo pháp luật của công ty. Ng- ời đại diện theo pháp luật của công ty phải th- ờng trú tại Việt Nam. Tr- ờng hợp vắng mặt trên 30 (ba m- ời) ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho ng- ời khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của ng- ời đại diện theo pháp luật.

Điều 35. Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2/ Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phiếu được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp.
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.
 - h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người đó.
 - i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.
 - p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 3/ Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4/ Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó phải đền bù thiệt hại cho công ty, thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị có 5 thành viên

+ Các thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam

+ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm.

+ Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.

2/ Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3/ Khi có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

c) Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, am hiểu pháp luật.

d) Có đủ sức khỏe.

2/ Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty.

2/ Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 3/ Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1/ Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2/ Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3/ Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.
- d) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh bất bình thường.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 4 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6/ Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc ng-òì triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc tr-ớc ngày họp.

Thông báo mời họp phải đ-ợc xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, ch-ong trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp đ-ợc gửi bằng b-u điện, fax, th- điện tử hoặc ph-ong tiện khác, nh-ng phải đảm bảo đến đ-ợc địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đ-ợc đăng ký tại công ty.

7/ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ng-òì triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc nh- đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nh-ng không đ-ợc biểu quyết.

8/ Cuộc họp Hội đồng quản trị đ-ợc tiến hành khi có từ 4/5 thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đ-ợc đựng trong phong bì dán kín và phải đ-ợc chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ tr-ớc giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ đ-ợc mở tr-ớc sự chứng kiến của tất cả những ng-òì dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị đ-ợc thông qua nếu đ-ợc đa số thành viên dự họp chấp thuận, tr-ờng hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9/ Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên đ-ợc uỷ quyền cho ng-òì khác dự họp nếu đ-ợc đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1/ Cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải đ-ợc ghi vào sổ biên bản, biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng n-ớc ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b) Mục đích, ch-ong trình và nội dung họp.

c) Thời gian, địa điểm họp.

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc ng-òì đ-ợc uỷ quyền dự họp. Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

đ) Các vấn đề đ-ợc thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến.

h) Các vấn đề đã đ- ợc thông qua.

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ toạ và th- ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2/ Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải đ- ợc l- u giữ tại trụ sở chính của công ty.

3/ Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng n- ớc ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 41. Quyền đ- ợc cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, ng- ời quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh và của các đơn vị trong công ty.

2/ Ng- ời quản lý đ- ợc yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các tr- ờng hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ tr- ờng hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức.

d) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ công ty.

2/ Ngoài các tr- ờng hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3/ Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các tr- ờng hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 43. Giám đốc công ty

1/ Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2/ Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.

3/ Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau :

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

g) Tuyển dụng lao động.

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ kinh doanh.

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật; Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4/ Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 44. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc.

1/ Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2/ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ và mức thù lao mỗi ngày. Hội

đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3/ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan

1/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn trên 10% vốn điều lệ.

2/ Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3/ Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông qua báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4/ Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được

chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có đ- ợc từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 46. Trách nhiệm của ng- ời quản lý Công ty

1/Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và ng- ời quản lý có các trách nhiệm sau đây:

a)Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đ- ợc giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan; Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b)Thực hiện các quyền và nghĩa vụ đ- ợc giao, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để t- lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời đầy đủ chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và ng- ời có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông báo này đ- ợc niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2/ Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 47. Hợp đồng, giao dịch phải đ- ợc Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1/ Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối t- ợng sau đây phải đ- ợc Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, ng- ời đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên **20%** tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những ng- ời có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc.

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và b khoản 2 điều 159 Luật Doanh nghiệp và ng- ời có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc.

2/ Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn **35%** tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong tr- ờng hợp này, ng- ời đại diện theo pháp luật của công ty phải gửi đến các thành viên hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3/ Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ tr- ờng hợp quy định tại khoản 2 điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải

trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết, hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện **65%** tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4/ Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty, người đại diện theo pháp luật, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát

1/ Ban kiểm soát có 03 thành viên.

- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm

- Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát, do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín. Ngõ-ời trúng cử vào Ban kiểm soát phải thu được số phiếu quá bán tính theo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp. Trường hợp những ngõ-ời cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại riêng của những ngõ-ời đó để chọn ngõ-ời có số phiếu cao hơn.

2/ Các thành viên Ban kiểm soát bầu một ngõ-ời trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên trường trú ở Hà Nội Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên .

3/ Tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1/Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Đủ từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này.

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

2/ Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ lãnh đạo công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lãnh đạo của công ty.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1/ Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2/ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3/ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4/ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

5/ Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra; Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6/ Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7/ Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay

bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt việc vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9/ Ban kiểm soát có quyền sử dụng tài sản độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1/ Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2/ Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3/ Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

4/ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời chính xác thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 52. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1/ Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2/ Thành viên ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tài sản độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3/ Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

Điều 53: Trách nhiệm của kiểm soát viên

- 1/ Tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ đ- ợc giao.
- 2/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ đ- ợc giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của cổ đông.
- 3/ Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không đ- ợc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để t- lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 4/ Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 5/ Tr- ờng hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc ng- ời khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi th- ờng thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có đ- ợc do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.
- 6/ Tr- ờng hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ đ- ợc giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu ng- ời có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

- 1/ Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các tr- ờng hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ tr- ờng hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn xin từ chức và đ- ợc chấp thuận.
 - d) Vi phạm nghiêm trọng điều lệ công ty.
- 2/ Ngoài các tr- ờng hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 3/ Tr- ờng hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại lớn cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đ- ơng nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 55. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động. Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) với người lao động.

Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động.

Trong quá trình hoạt động xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần. (Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc, công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).

Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của công ty, nhưng phải đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn tuyển dụng công ty đề ra.

Nếu có trường hợp thừa kế muốn được thay thế vào làm việc tại công ty, người đó cũng phải có đủ tiêu chuẩn quy định và đúng với nhu cầu tuyển dụng.

Điều 56. Tiền lương

Tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật lao động và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong 12 tháng đầu khi chuyển sang công ty cổ phần vẫn áp dụng chế độ tiền lương như trước khi chuyển sang công ty cổ phần.

Điều 57. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

Người lao động trong công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này, bản nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động.

Người lao động có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, nội quy lao động và các quy chế của Công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động Giám đốc công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo nội quy lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Chương VII

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty cổ phần Dệt kim Hà Nội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của năm d-ong lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm đầu mới thành lập, năm tài chính bắt đầu từ ngày đ-ợc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 59. Quyết toán và kế hoạch tài chính

Hàng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 90 ngày đầu của năm tài chính tiếp theo. Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông th-ờng kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

Điều 60. Thể lệ kế toán

Thể lệ kế toán công ty căn cứ vào Luật Kế toán Việt nam và các chuẩn mực kế toán Việt nam hiện hành của Bộ tài chính.

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của công ty.

1/ Lợi nhuận ròng đ-ợc phân bổ và sử dụng nh- sau:

- Quỹ dự trữ ít nhất 5% lợi nhuận sau thuế (nh-ng số d- không v-ợt quá 10% vốn Điều lệ).
- Quỹ đầu t- phát triển tối đa 5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen th-ởng phúc lợi tối đa 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ th-ởng Ban điều hành doanh nghiệp tối đa 3% lợi nhuận sau thuế.

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại đ-ợc chia cho các cổ phần gọi là cổ tức.

2/ Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông ph-ơng án phân phối lợi nhuận hàng năm của công ty.

Điều 62. Phân chia lợi tức cổ phần

Lợi tức cổ phần (cổ tức) đ-ợc chia định kỳ mỗi năm một lần, trong thời hạn 30 (ba m-oi) ngày kể từ khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết về phân phối lợi nhuận.

Điều 63. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Tr- ờng hợp công ty kinh doanh thua lỗ. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển đổi các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 64. Giải quyết tranh chấp

1/ Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội có quyền bình đẳng tr- ớc pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2/ Chỉ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc và ng- ời đ- ợc uỷ quyền là ng- ời đại diện Công ty tr- ớc pháp luật.

3/ Mọi ng- ời trong công ty có các hành vi, vi phạm các quy định trong bản Điều lệ này đều bị xử lý kỷ luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử phạt hành chính, bồi th- ờng trách nhiệm vật chất, buộc thôi việc hoặc chuyển đến Toà án xét xử theo luật định.

Ch□ong VIII

GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 65. Giải thể

Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội chỉ giải thể trong các tr- ờng hợp sau:

1/ Mục tiêu của công ty không thể thực hiện hoặc không có lợi.

2/ Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sáp nhập.

3/ Quyết định của Toà án đình chỉ hoạt động.

4/ Cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 66. Thanh lý tài sản khi công ty giải thể

1/ Khi công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý đ- ợc tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2/ Xử lý tài sản khi công ty giải thể.

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty đ- ợc trang trải theo thứ tự - u tiên sau:

a) Hoàn trả các khoản tiền l- ơng; Bảo hiểm xã hội mà công ty còn nợ ng- ời lao động.

b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà n- ớc theo chế độ hiện hành.

c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty có thể chấp.

d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty không có thể chấp.

e) Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần.

Điều 67. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp đ- ợc thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 68. Điều khoản thi hành

Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

- 1/ Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
- 2/ Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản Điều lệ công ty.
- 3/ Đã bầu được Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.
- 4/ Việc quản lý công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.
- 5/ Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch Đầu tư - thành phố Hà Nội.

Điều 69. Con dấu

- 1/ Con dấu của công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công an có thẩm quyền.
- 2/ Hội đồng quản trị; Giám đốc công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 70. Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 71. Trình báo cáo hàng năm

- 1/ Tại thời điểm kết thúc tài chính năm tài chính Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và đánh giá công tác điều hành quản lý công ty.
 - b) Báo cáo tài chính.
- 2/ Đối với Công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần đã phải kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- 3/ Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 25 (hai mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 4/ Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty và chi nhánh chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 72. Công khai thông tin về công ty cổ phần

1/ Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2/ Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

3/ Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần tại cơ quan Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 73. Hiệu lực của Điều lệ

1/ Điều lệ này gồm có: 9 Chương và 73 Điều được phiên họp Đại hội đại biểu cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2016. Điều lệ này thay thế toàn bộ:

- **Điều lệ lần đầu đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 26 tháng 02 năm 2005.**
- **Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất được phiên họp Đại hội đại biểu cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2007.**
- **Điều lệ sửa đổi lần thứ hai được phiên họp Đại hội đại biểu cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2009.**
- **Điều lệ sửa đổi lần thứ ba được phiên họp Đại hội đại biểu cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2011.**

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau:

- a) 01 bản l- u tại phòng công chứng thành phố Hà Nội.
- b) 05 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền và các thành viên liên quan.
- c) 04 bản l- u trong hồ sơ công ty.

2/ Các văn bản Điều lệ phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên trong Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.

3/ Các văn bản trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị công ty ký mới có giá trị.

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công ty đã đăng ký tại phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền./.

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công ty đã đăng ký tại phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch : Ông Bùi Tấn Anh

Thành viên : Ông Mai Xuân Sơn.....

Thành viên : Ông Nguyễn Đình Chiến.....

Thành viên : Ông Tạ Trung Dũng.....

Thành viên : Bà Phạm Thị Hợp